TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên;

2. Ông Trịnh Văn Lực.

- Thư ký pH tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.c

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia pH tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2023/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, thường trú: Thôn 13, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, tạm trú: Số 83/4, đường H, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, thường trú: Thôn 1, xã Đ, huyện Ph, tỉnh Th, tạm trú: Số 40, đường X, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 04 tháng 11 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng, bà H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Nguyễn Xuân T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng nữa năm thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 11

tháng 12 năm 2012. Hôn nhân của chúng bà H là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà thuệ thuộc khu phố Bình Đường 1, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ôngT tính tình gia trưởng, độc đoán. Cuối năm 2015, vợ chồng cải nhau, ôngT đánh bà H, cũng từ thời gian đó vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn. Đến đầu năm 2016, bà H nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An. Tại Tòa, sau khi được Thẩm phán phân tích, ôngT hứa sửa đổi nên bà H đã cho ông T cơ hội để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, sau đó cuộc sống hôn nhân của bà H không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ôngT suốt ngày đay nghiến, xem thường bà H, ông cho rằng bà H ăn bám ôngT, đàn ông nhưng chuyện gì ông cũng nói được và nói thường xuyên, cuộc sống hôn nhân rất ngột ngạt, khiến bà H mệt mỏi. Nay bà H xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Xuân Thùy Nh, sinh ngày 21/11/2013 và Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 21/11/2016. Hiện cháu Nh đang ở với bà H, cháu L đang ở với ông T. Sau ly hôn, bà H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con và tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Xuân T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án không chấp nhận cho bà nuôi hai con thì bà bề nghị được nuôi dưỡng cháu Nh. H thu nhập mỗi tháng bình quân của bà H khoảng 8.000.000 đồng, bà có thể đảm bảo cuộc sống của các con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với phần trình bày của bà Trần Thị H về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, ông và bà H có thời gian tìm hiểu nhau bảy tháng trước khi tiến đến hôn nhân. Tuy nhiên, ông không thống nhất về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn. Theo ông T thì vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, cho đến tháng 10 năm 2021, do bà H sử dụng điện thoại để lên mạng xã hội nhiều, hay mua đồ online, việc này ông không đồng ý nên ông có cằn nhằn bà H. Đầu năm 2016, bà H nộp đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án, ông còn thương bà H nên ra sức níu kéo nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn. Tuy nhiên, bản thân ôngT không thấy mình có lỗi gì lớn, ông chỉ có lỗi là hay nói việc bà H lên mạng, ông không phải là người đàn ông gia trưởng, độc đoán như bà H trình bày. Ông chưa từng đánh đập bà H, ngoài thời gian làm việc ông còn phụ bà H việc nấu ăn. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ôngT nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà H, vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để các con có một gia đình, vì vậy ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Ông T thống nhất với bà H là qúa trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Xuân Thùy Nh, sinh ngày 21/11/2013 và Nguyễn Xuân Thùy L, sinh ngày 21/11/2016. Hiện nay cháu Nh đang ở với bà H, cháu Lđang ở với ông T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ôngT đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và tự nguyện không yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện thu nhập bình quân của ôngT khoảng 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia pH tòa:

+ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại pH tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 11 tháng 12 năm 2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T, thời gian chung sống đã hơn 10 năm nhưng chỉ được hai năm đầu có hạnh phúc, thời gian còn lại giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Năm 2016 bà H nộp đơn ly hôn, tại Tòa án ôngT đã thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông mong bà H cho ông cơ hội để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Trước nguyện vọng của ông T, bà H cho ôngT cơ hội nên bà đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi rút đơn thì cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được. Những mâu thuẫn giữa bà H bà ông T trình bày tuy không phải là mâu thuẫn lớn nhưng lại là những mâu thuẫn phát sinh thường xuyên, liên tục trong thời gian dài, nguyên nhân chính là từ bản tính tủn mủn của ông T, hay cằn nhằn, hay nói nhiều về những chuyện vụn vặt, không đáng. Bà H cho rằng bản thân bà đã vì các con, vì gia đình nên đã chịu đựng một thời gian dài để duy

trì cuộc hôn nhân mà không còn tình cảm với ông T. Qúa trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, ôngT vẫn cho rằng bản thân không có lỗi và đổ hết lỗi cho bà H, không lắng nghe và không có thiện chí thay đổi để hoàn thiện mình. Quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là bình đẳng, muốn có một gia đình hạnh phúc, bền vững thì phải biết tôn trọng, biết lắng nghe người bạn đời của mình mong gì, cần gì ở mình, ôngT đã không làm được điều này dẫn đến việc tình cảm của bà H dành cho ôngT bị mai một dần. Hiện tại vợ chồng cũng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Việc bà H tiếp tục làm đơn xin ly hôn chính là hệ quả tất yếu phải xảy ra. Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại UBND phường An Bình ngày 31/3/2023 thể hiện: Bà H và ông T không có đơn yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ hòa giải nên mâu thuẫn của bà H và ông T chính quyền địa phương không rõ. Xét mâu thuẫn vợ chồng bà H với ông T đã thực sự trầm trọng, vì vậy bà H yêu cầu được ly hôn với ôngT là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân T thống nhất có hai con chung Nguyễn Xuân Thùy Nh, sinh ngày 21/11/2013 và Nguyễn Xuân Thùy L, sinh ngày 21/11/2016. Cả bà H và ôngT đều có nguyện vọng được nuôi hai cháu. Tuy nhiên, việc giao con cho bà H, ông T nuôi còn phải xem xét đến quyền lợi về mọi mặt của con chung, cháu Nh đang sinh sống cùng bà H, trước nay và hiện tại bà H luôn chăm sóc tốt cho cháu Nh, ôngT cũng đang chăm sóc tốt cho cháu Linh. Hiện tại, bà H và ông T đều phải ở nhà thuê điều kiện đê nuôi cả hai cháu sẽ khó khăn, nên tiếp tục duy trì việc nuôi con chung như hiện tại là phù hợp. Vì vậy, giao cháu Nh cho bà H, giao cháu L cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Trần Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T (Giấy chứng nhận kết hôn số 92 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng ngày 11 tháng 12 năm 2012).

2. Về con chung: Ông Nguyễn Xuân T giao con chung Nguyễn Xuân Thùy Nh, sinh ngày 21/11/2013 cho bà Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. bà Trần Thị H giao con chung Nguyễn Xuân Thùy L, sinh ngày 21/11/2016 cho ông Nguyễn Xuân T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005912 ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PH TÒA

Nguyễn Thị Thắm